



# **CÔNG BÁO**

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 176 + 177

Ngày 01 tháng 9 năm 2020

## **MỤC LỤC**

Trang

### **PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

04-8-2020-	Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8.	3
------------	--	---

### **PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

17-7-2020-	Quyết định số 2561/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Bình Chánh.	14
17-7-2020-	Quyết định số 2562/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của Quận 3.	28

- 24-7-2020- Quyết định số 2607/QĐ-UBND công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 38
- 27-7-2020- Quyết định số 2626/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030. 49
- 28-7-2020- Quyết định số 2657/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của quận Bình Tân. 59

## PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2020/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 04 tháng 8 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động  
của Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8**

### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa, thôn văn hóa, ấp văn hóa, tổ dân phố văn hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của liên Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 10 tháng 3 năm 2016 của liên Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ Quận 8 (tại Tờ trình số 435/TTr-PNV ngày 21 tháng 7 năm 2020) và ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp Quận 8 (tại Công văn số 262/TP-VB ngày 23 tháng 7 năm 2020).*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2020 và thay thế Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Quận 8 ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 8, Trưởng Phòng Nội vụ Quận 8, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Tùng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 8**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND  
ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận 8)*

#### **Chương I**

### **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

#### **Điều 1. Vị trí**

Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Quận 8.

Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của Ủy ban nhân dân Quận 8, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Điều 2. Chức năng**

Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Quận 8 quản lý nhà nước về văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo; xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân Quận 8 và theo quy định của pháp luật; quản lý nhà nước về: báo chí; xuất bản; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin; phát thanh truyền hình; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại và hạ tầng thông tin trên địa bàn.

#### **Chương II**

### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

#### **Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn**

Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân Quận 8 ban hành quyết định, chỉ thị; kế hoạch dài hạn, 05 (năm) năm và hàng năm về phát triển văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch, quảng cáo, thông tin và truyền thông trên địa bàn; đề án, chương trình phát triển văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước, xã hội hóa trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 dự thảo các văn bản về lĩnh vực văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch, quảng cáo, thông tin và truyền thông thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình đã được phê duyệt; hướng dẫn, thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, hoạt động phát triển sự nghiệp văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo; chủ trương xã hội hóa hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao; phòng, chống bạo lực trong gia đình; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về lĩnh vực thông tin và truyền thông.

4. Chủ trì, phối hợp với Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch tham mưu giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 triển khai thực hiện Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

5. Hướng dẫn các tổ chức, đơn vị và nhân dân trên địa bàn Quận 8 thực hiện phong trào văn hóa, văn nghệ; phong trào luyện tập thể dục, thể thao; xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; xây dựng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở cơ sở; bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh; bảo vệ, tôn tạo, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên du lịch, môi trường du lịch, khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn.

6. Giúp Ủy ban nhân dân Quận 8 thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép thuộc các lĩnh vực về thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Quận 8.

7. Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các Thư viện, Trung tâm Văn hóa - Thể thao Quận 8, các thiết chế văn hóa cơ sở, các cơ sở hoạt động dịch vụ văn hóa, thể

dục, thể thao, du lịch và quảng cáo điểm vui chơi công cộng thuộc phạm vi quản lý của Phòng trên địa bàn.

8. Giúp Ủy ban nhân dân Quận 8 quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn và kiểm tra hoạt động các hội và tổ chức phi chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch, quảng cáo, thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật.

9. Giúp Ủy ban nhân dân Quận 8 quản lý nhà nước đối với mạng lưới phát thanh, truyền thanh cơ sở.

10. Giúp Ủy ban nhân dân Quận 8 trong việc tổ chức công tác bảo vệ an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động bưu chính, chuyển phát, viễn thông, công nghệ thông tin, Internet, phát thanh, truyền hình.

11. Giúp Ủy ban nhân dân Quận 8 quản lý nhà nước về xây dựng, thực hiện quy ước của cộng đồng dân cư (khu phố, tổ dân phố...); hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường, công chức Văn hóa - Xã hội về xây dựng, thực hiện quy ước của khu phố bảo đảm đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

12. Chịu trách nhiệm theo dõi và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án về ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn quận theo sự phân công của Ủy ban nhân dân Quận 8.

13. Tổ chức hoạt động thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại trên địa bàn theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

14. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

15. Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo đối với các chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường; tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, đơn vị và cá nhân trên địa bàn quận, thực hiện pháp luật về các lĩnh vực bưu chính, viễn thông và Internet; công nghệ thông tin, hạ tầng thông tin; phát thanh; quảng cáo; báo chí; xuất bản.

16. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về hoạt động văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo trên địa bàn Quận 8; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân về lĩnh vực văn hóa,

gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện việc quản lý, kiểm tra và hướng dẫn các phường quản lý các đại lý bưu chính, viễn thông, Internet trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân Quận 8 và Sở quản lý ngành, lĩnh vực.

18. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân Quận 8.

19. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản của Phòng theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân Quận 8.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Quận 8, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 giao hoặc theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

### **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

#### **Điều 4. Tổ chức bộ máy**

1. Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng;

b) Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của phòng;

c) Việc bổ nhiệm Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 quyết định theo tiêu chuẩn chức danh do các Sở Văn hóa và Thể thao, Sở



Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo quy định của pháp luật. Việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hoá, thể dục, thể thao, du lịch ở quận là Trung tâm Văn hóa - Thể thao Quận 8. Đơn vị sự nghiệp có con dấu, tài khoản riêng. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

### **Điều 5. Biên chế**

1. Biên chế công chức của Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 quyết định, được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và thuộc tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của quận đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức và phẩm chất, trình độ, năng lực của công chức.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ Quận 8 xây dựng kế hoạch biên chế công chức theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **Chương IV**

### **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 6. Chế độ làm việc**

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành chung các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh

trên lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

### **Điều 7. Chế độ sinh hoạt hội họp**

1. Hàng tuần, lãnh đạo phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

### **Điều 8. Mối quan hệ công tác**

#### **1. Đối với Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch và Sở Thông tin và Truyền thông**

Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch và Sở Thông tin và Truyền thông, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch và Sở Thông tin và Truyền thông.

## **2. Đối với Hội đồng nhân dân Quận 8**

Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 có trách nhiệm báo cáo công tác, giải trình trước Hội đồng nhân dân Quận 8 khi được yêu cầu.

## **3. Đối với Ủy ban nhân dân Quận 8**

Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân Quận 8 về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân Quận 8 về những mặt công tác đã được phân công và giải trình trước Ủy ban nhân dân Quận 8, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối khi được yêu cầu.

Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân Quận 8 về nội dung công tác của phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

## **4. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân Quận 8**

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân Quận 8, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 xem xét, quyết định.

## **5. Đối với các đơn vị, tổ chức sản xuất kinh doanh và dịch vụ liên quan đến chức năng quản lý trên địa bàn Quận 8**

Trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của phòng phụ trách.

Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, hành chính sự nghiệp của Trung ương, thành phố trú đóng và hoạt động trên địa bàn quận, Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 giúp Ủy ban nhân dân Quận 8 thực hiện việc quản lý hành chính Nhà nước về các lĩnh vực thuộc chức năng đối với các đơn vị này theo quy định.

## **6. Đối với Ủy ban nhân dân phường**

a) Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giúp đỡ về nghiệp vụ ngành để Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

b) Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 có trách nhiệm cùng với Ủy ban nhân dân phường kiện toàn, củng cố bộ phận công tác về văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông tại địa phương. Phối hợp với các tổ chức, chính quyền, đoàn thể nhân dân xây dựng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; xây dựng gia đình văn hóa, ấp văn hóa, khu phố văn hóa, đơn vị văn hóa; bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh; bảo vệ, tôn tạo, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên du lịch, môi trường du lịch, khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn.

### **7. Đối với đơn vị sự nghiệp Trung tâm Văn hóa Thể thao Quận 8**

a) Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 tạo điều kiện để đơn vị sự nghiệp liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân Quận 8 thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông; kiểm tra, kịp thời phát hiện và đề xuất xử lý những vi phạm pháp luật trên lĩnh vực được giao.

b) Đơn vị sự nghiệp có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân Quận 8 xây dựng kế hoạch, báo cáo kết quả hoạt động của lĩnh vực văn hóa và thông tin.

### **8. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội của Quận 8**

Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 phối hợp và hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quận 8, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân Quận 8 giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền và có thông báo kết quả giải quyết cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quận 8 theo quy định.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 9.** Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế làm việc, cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 quyết định để thi hành.

**Điều 10.** Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân Quận 8 có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, phòng nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Tùng**

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2561/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2020*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020  
của huyện Bình Chánh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về hợp nhất Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2014/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài*

*nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố;*

*Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố;*

*Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố; Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố;*

*Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh tại Tờ trình số 958/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2020; ý kiến đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường*

*tại Tờ trình số 4620/TTr-STNMT-QLĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Công văn số 5190/STNMT-QLĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Bình Chánh với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:



# 1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)															
				TT.Tân Túc	Phạm Văn Hai	Vĩnh Lộc A	Vĩnh Lộc B	Bình Lợi	Lê Minh Xuân	Tân Nhựt	Tân Kiên	Bình Hưng	Phong Phú	An Phú Tây	Hung Long	Đa Phước	Tân Quý Tây	Bình Chánh	Quy Đức
(1)	(2)	(3)	(4)= (5)+...+(20)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	NNP	15.689,24	518,09	1.971,27	1.415,28	1.044,54	1.508,04	2.170,15	1.757,75	602,76	163,63	806,73	329,74	947,49	737,48	654,32	547,95	514,02
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.608,62	285,64		448,83	74,95	148,68	324,89	1.180,70	257,95	0,00	99,35	174,82	493,04	393,28	213,28	222,30	290,91
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	3.553,30	246,65		57,06	37,14			1.167,75	257,92		1,01	175,01	493,04	396,51	213,28	221,93	285,98
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.437,61	23,08	522,54	379,43	445,23	683,81	969,97	30,63	25,72	0,94	30,43	13,35	94,97	35,63	43,31	83,60	54,98
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.519,77	200,54	949,38	562,20	508,14	459,51	353,14	420,89	269,16	37,72	251,39	125,79	337,10	255,48	394,50	236,13	158,67
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	262,68						262,68										
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	29,92						29,92										
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	690,70		474,36				216,34										
1.7	Đất muối trồng thủy sản	NTS	1.056,18	7,72	24,99	5,89	2,79	208,00	2,91	110,79	42,80	124,71	424,61	14,03	21,90	48,83	2,89	4,57	8,76
1.8	Đất làm muối	LMU																	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	83,76	1,11		18,93	13,43	8,04	10,30	14,74	7,13	0,26	0,95	1,74	0,47	4,27	0,34	1,34	0,70
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	PNN	9.566,75	337,61	784,31	551,38	698,26	397,08	1.330,05	586,74	543,35	1.210,20	1.061,94	256,83	352,88	872,84	183,85	266,79	132,64
2.1	Đất quốc phòng	CQP	17,57	2,65		1,21	3,09	0,13			0,05		0,10	0,23		10,11			

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)															
				TT.Tân Túc	Phạm Văn Hai	Vĩnh Lộc A	Vĩnh Lộc B	Bình Lợi	Lê Minh Xuân	Tân Nhựt	Tân Kiên	Bình Hưng	Phong Phú	An Phú Tây	Hung Long	Đa Phước	Tân Quý Tây	Bình Chánh	Quy Đức
22	Đất an ninh	CAN	37,80	3,39	0,35				33,16	0,41	0,15			0,34					
23	Đất khu công nghiệp	SKK	458,43			80,71			152,05	59,54	27,82		138,32						
24	Đất khu chế xuất	SKT																	
25	Đất cụm công nghiệp	SKN	170,26		79,20				91,06										
26	Đất thương mại dịch vụ	TMD	34,53	5,23	6,54	2,95	1,06	1,37	0,51	0,92	4,95	0,91	3,99	0,19	1,12	0,96	0,66	2,93	0,24
27	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	720,02	65,36	32,61	21,67	50,17	0,19	303,38	44,76	85,80	1,03	31,56	3,75	28,62	6,61	6,56	35,95	2,00
28	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS																	
29	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.634,00	111,89	341,60	126,77	179,43	254,76	261,64	163,72	237,77	262,31	231,28	63,43	118,75	108,85	51,74	93,72	26,33
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,56							1,13			0,18		0,25				
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL																	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	534,44						1,11			44,96	90,38			397,43		0,57	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.731,08		192,63	285,46	449,55	91,44	296,97	159,61	127,64	248,27	278,45	58,21	150,00	110,91	113,27	118,13	50,53
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	780,57	89,47								463,64	109,17	118,29					
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	60,30	15,70	34,63	0,26	0,36	0,14	2,01	1,86	1,35	0,38	1,57	0,32	0,33	0,61	0,37	0,19	0,23

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)															
				TT.Tân Túc	Phạm Văn Hai	Vĩnh Lộc A	Vĩnh Lộc B	Bình Lợi	Lê Minh Xuân	Tân Nhựt	Tân Kiên	Bình Hưng	Phong Phú	An Phú Tây	Hung Long	Đa Phước	Tân Quý Tây	Bình Chánh	Quy Đức
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	6,02	0,90	5,10													0,02	
2.17	Đất xây dựng cơ sở giáo dục	DNG																	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	48,00	2,32	1,74	0,86	0,36	0,38	27,84	0,30	3,23	0,86	0,34	0,55	3,79	0,98	1,12	2,57	0,75
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	122,62	2,55	3,51	15,08	6,85	4,61	3,23	1,59	2,77	0,42	0,68	0,96	1,35	68,66	2,05	6,69	1,62
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX																	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,57	0,04	0,72	0,73	0,47	0,18	0,73	0,31	0,45	0,42	0,51	0,16	0,45	0,53	0,20	0,39	0,30
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	52,45		13,28		3,29		26,86			9,02							
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	7,53	0,51		0,36	0,78	0,02		0,39	0,90	0,17	1,06	0,19	0,64	0,88	0,81	0,46	0,36
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.121,93	37,61	72,40	15,31	2,84	43,86	129,50	152,21	50,47	159,69	174,34	10,21	47,58	164,55	6,27	4,83	50,27
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	2,11													1,76		0,35	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	19,96									19,15					0,81		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)															
				TT.Tân Túc	Phạm Văn Hai	Vĩnh Lộc A	Vĩnh Lộc B	Bình Lợi	Lê Minh Xuân	Tân Nhựt	Tân Kiên	Bình Hưng	Phong Phú	An Phú Tây	Hung Long	Đa Phước	Tân Quý Tây	Bình Chánh	Quy Đức
3	Đất chưa sử dụng	CSD																	
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN																	
5	Đất khu kinh tế*	KKT																	
6	Đất đô thị*	KDT	2.768,85	855,69								938,70	545,08	429,38					

Ghi chú: \* Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

## 2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2020:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				TT. Tân Túc	Phạm Văn Hai	Vinh Lộc A	Vinh Lộc B	Bình Lợi	Lê Minh Xuân	Tân Nhựt	Tân Kiên	Bình Hưng	Phong Phú	An Phú Tây	Hưng Long	Đa Phước	Tân Quý Tây	Bình Chánh	Quy Đức
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+...+(...)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>784,01</b>	<b>3,63</b>	<b>3,86</b>	<b>23,52</b>	<b>27,56</b>	<b>66,78</b>	<b>182,91</b>	<b>25,65</b>	<b>79,88</b>	<b>25,10</b>	<b>103,68</b>	<b>51,18</b>	<b>9,03</b>	<b>173,13</b>	<b>4,63</b>	<b>1,46</b>	<b>2,01</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	407,40	1,83		5,47	8,77	27,29	85,69	13,81	29,89	14,24	15,71	30,19	8,49	162,58	1,69	0,10	1,65
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	142,50	0,44	0,21	5,96	6,10	19,28	80,27	4,07	2,12	0,09	16,86	5,81	0,05	0,29	0,65	0,30	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	158,12	1,16	3,40	11,68	12,59	20,10	8,10	6,78	46,24	10,15	16,87	6,79	0,47	10,08	2,29	1,06	0,36
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	9,10		0,25				8,85										
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	66,79	0,20		0,41		0,11		0,99	1,63	0,62	54,24	8,39	0,02	0,18			
1.8	Đất làm muối	LMU																	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,10				0,10												
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>136,95</b>	<b>3,72</b>	<b>0,42</b>	<b>3,07</b>	<b>1,86</b>	<b>1,17</b>	<b>24,89</b>	<b>3,12</b>	<b>18,67</b>	<b>15,52</b>	<b>45,98</b>	<b>7,68</b>	<b>1,87</b>	<b>7,50</b>	<b>1,05</b>	<b>0,17</b>	<b>0,26</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP																	
2.2	Đất an ninh	CAN																	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	3,99			0,31			1,83	0,56	1,29								
2.4	Đất khu chế	SKT																	



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				T.T. Tân Túc	Phạm Văn Hai	Vinh Lộc A	Vinh Lộc B	Bình Lợi	Lê Minh Xuân	Tân Nhựt	Tân Kiên	Bình Hưng	Phong Phú	An Phú Tây	Hưng Long	Đa Phước	Tân Quý Tây	Bình Chánh	Quy Đức
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+...+(...)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
	Cơ sở ngoại giao																		
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	1,25						1,23					0,02					
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,12			0,05										0,07			
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX																	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH																	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV																	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,06			0,03									0,03				
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	28,88	0,11					3,68	0,07		1,68	19,34	4,00					
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC																	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK																	

### 3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020:

Đơn vị tính: ha

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				TT. Tân Túc	Phạm Văn Hai	Vĩnh Lộc A	Vĩnh Lộc B	Bình Lợi	Lê Minh Xuân	Tân Nhựt	Tân Kiên	Bình Hưng	Phong Phú	An Phú Tây	Hung Long	Đa Phước	Tân Quý Tây	Bình Chánh	Quy Đức
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+(6)+(7)+(...)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/P NN</b>	<b>1.322,79</b>	<b>24,26</b>	<b>46,22</b>	<b>39,83</b>	<b>61,00</b>	<b>76,23</b>	<b>201,87</b>	<b>69,24</b>	<b>86,36</b>	<b>59,95</b>	<b>114,08</b>	<b>67,54</b>	<b>24,27</b>	<b>210,14</b>	<b>17,99</b>	<b>13,67</b>	<b>210,14</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/P NN	637,44	3,64		5,47	22,53	28,24	85,99	8,32	31,14	20,58	16,40	32,34	9,15	182,22	6,48	2,72	182,22
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/P NN	179,14	3,63	2,40	8,35	8,88	20,43	84,05	17,58	2,82	0,19	20,12	5,98	0,64	0,61	2,17	0,68	0,61
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/P NN	397,30	15,92	43,35	25,23	29,21	27,35	19,95	38,57	50,77	17,19	22,24	20,27	14,18	27,02	9,04	9,99	27,02
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/P NN																	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/P NN																	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/P NN	12,13		0,25				11,88										
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/P NN	95,47	1,07	0,22	0,41	0,28	0,21		4,77	1,63	21,99	54,48	8,95	0,30	0,29	0,30	0,28	0,29
1.8	Đất làm muối	LMU/P NN																	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/P NN	1,31			0,37	0,10						0,84						
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp, phi nông nghiệp</b>		<b>65,67</b>	<b>2,21</b>		<b>3,52</b>	<b>1,09</b>	<b>3,53</b>	<b>9,70</b>	<b>0,95</b>	<b>4,09</b>	<b>10,74</b>	<b>8,44</b>	<b>7,86</b>		<b>0,19</b>	<b>8,13</b>	<b>5,18</b>	<b>0,04</b>
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất	LUA/C LN	41,17	2,21		3,51	0,32	2,79	1,75	0,95	0,85	7,59	7,88	0,09		0,04	8,02	5,13	0,04



ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				TT. Tân Túc	Phạm Văn Hai	Vĩnh Lộc A	Vĩnh Lộc B	Bình Lợi	Lê Minh Xuân	Tân Nhựt	Tân Kiên	Bình Hưng	Phong Phú	An Phú Tây	Hung Long	Đa Phước	Tân Quý Tây	Bình Chánh	Quy Đức
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+(6)+(7)+(...)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
	trồng cây lâu năm																		
2.2	Đất trồng lúa chuyên sang đất trồng rừng	LUA/L NP																	
2.3	Đất trồng lúa chuyên sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/N TS	1,29					0,74					0,55						
2.4	Đất trồng lúa chuyên sang đất làm muối	LUA/L MU																	
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyên sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/N TS																	
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyên sang đất làm muối	HNK/L MU																	
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyên sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/N KR(a)																	
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyên sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/N KR(a)																	
2.9	Đất rừng sản xuất chuyên sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/N KR(a)																	

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				TT. Tân Túc	Phạm Văn Hai	Vĩnh Lộc A	Vĩnh Lộc B	Bình Lợi	Lê Minh Xuân	Tân Nhựt	Tân Kiên	Bình Hưng	Phong Phú	An Phú Tây	Hung Long	Đa Phướ c	Tân Quý Tây	Bình Chánh h	Quy Đức
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+(6)+ (7)+(...)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
2.1 0	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyên sang đất ở	PKO/O CT	23,21	0,00		0,01	0,77		7,95		3,24	3,15	0,01	7,77		0,15	0,11	0,05	

*Ghi chú:*

- (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

#### **4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2020:**

Trên địa bàn huyện Bình Chánh không có diện tích đất chưa sử dụng.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật đất đai.

4. Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh chịu trách nhiệm về tính pháp lý, ranh, diện tích chuyển mục đích sử dụng của hộ gia đình, cá nhân, đảm bảo phù hợp quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

5. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai, đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, thủ trưởng các sở - ban- ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2562/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của Quận 3**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về hợp nhất Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố (số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016; số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017; số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017; số 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018; số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng*

12 năm 2018; số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019 và số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019);

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân Quận 3 tại Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 và của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5349/TTr-STNMT-QLĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của Quận 3 với các chi tiêu chủ yếu như sau:

### 1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				P. 1	P. 2	P. 3	P. 4	P. 5	P. 6	P. 7	P. 8	P. 9	P. 10	P. 11	P. 12	P. 13	P. 14
(1)	(2)	(3)	<sup>(4)</sup> = (5)+...+(18)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>															
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>492,27</b>	<b>14,76</b>	<b>15,31</b>	<b>15,48</b>	<b>30,75</b>	<b>24,81</b>	<b>88,32</b>	<b>91,74</b>	<b>39,69</b>	<b>44,38</b>	<b>16,01</b>	<b>47,73</b>	<b>16,34</b>	<b>16,43</b>	<b>30,53</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,68		0,01		0,04		0,39	0,62	0,040	0,11				0,47	
2.2	Đất an ninh	CAN	1,56				0,67		0,20	0,45	0,10					0,14	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK															
2.4	Đất khu chế xuất	SKT															
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN															
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	30,47	0,06	0,70	0,41	1,52	1,27	13,66	7,25	2,10	1,05	0,02	1,25	0,26	0,53	0,38
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,71	0,00	0,05		0,01		0,80	0,09		1,02		0,71		0,03	
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS															
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	184,31	5,85	5,30	4,60	10,60	8,10	33,53	39,36	14,15	19,32	4,88	20,21	4,97	4,92	8,51

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				P. 1	P. 2	P. 3	P. 4	P. 5	P. 6	P. 7	P. 8	P. 9	P. 10	P. 11	P. 12	P. 13	P. 14
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2,35					0,02	0,93	1,40							
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL															
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,05									0,05					
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT															
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	215,35	7,32	8,93	10,29	17,24	14,64	27,70	21,90	19,14	17,52	10,76	22,73	9,92	8,98	18,30
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,09	0,17	0,09	0,10	0,14	0,17	7,62	12,72	0,64	1,07	0,11	0,08	0,06	0,05	0,09
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,95	0,01	0,06		0,07	0,46	0,06	0,18	0,05	0,05					0,02
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	2,94						2,17	0,74		0,03					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	10,95	0,09	0,10	0,07	0,37	0,03	1,27	3,09	2,26	1,54	0,26	0,43	0,68	0,03	0,73
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,26							0,26				0,01			
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX															
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,23	0,01	0,03	0,02	0,029	0,02		0,08		0,01	0,00	0,01	0,01	0,01	0,01
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,78	1,25						1,81		1,05		0,18			0,49





STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				P. 1	P. 2	P. 3	P. 4	P. 5	P. 6	P. 7	P. 8	P. 9	P. 10	P. 11	P. 12	P. 13	P. 14
2.2	Đất an ninh	CAN	0,21				0,11				0,10						
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK															
2.4	Đất khu chế xuất	SKT															
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN															
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,88					0,08		0,28	0,82	0,55	0,14				0,02
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC															
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS															
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2,95				0,13		0,04	0,75	0,47	0,04	0,01	1,00			0,52
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT															
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL															
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA															
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT															
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	22,99	0,01	0,03	0,98		0,30	0,93	8,09	5,95	4,37	0,40	0,23		1,24	0,47
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ	TSC	0,29						0,02	0,27			0,01				

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính														
				P. 1	P. 2	P. 3	P. 4	P. 5	P. 6	P. 7	P. 8	P. 9	P. 10	P. 11	P. 12	P. 13	P. 14	
	quan																	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS																
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,04								0,00		0,03				0,01	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD																
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX																
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,00							0,00								
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,11							0,11								
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,026							0,03			0,001					
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON																
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC																
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK																

### 3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				P. 1	P. 2	P. 3	P. 4	P. 5	P. 6	P. 7	P. 8	P. 9	P. 10	P. 11	P. 12	P. 13	P. 14
(1)	(2)	(3)	(4)= (5)+(6)+... +(18)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN															
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp, phi nông nghiệp		<b>1,59</b>			<b>0,01</b>	<b>0,03</b>		<b>0,10</b>	<b>0,36</b>		<b>0,39</b>		<b>0,70</b>			
	<i>Trong đó:</i>																
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN															
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP															
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS															
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU															

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				P. 1	P. 2	P. 3	P. 4	P. 5	P. 6	P. 7	P. 8	P. 9	P. 10	P. 11	P. 12	P. 13	P. 14
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS															
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU															
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)															
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)															
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	R SX/NKR(a)															
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,59			0,01	0,03		0,10	0,36		0,39		0,70			

#### 4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2020:

Trên địa bàn Quận 3 không có diện tích đất chưa sử dụng.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Quận 3 có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp phường.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai.

4. Ủy ban nhân dân Quận 3 chịu trách nhiệm về tính pháp lý, ranh, diện tích chuyển mục đích sử dụng của hộ gia đình, cá nhân, đảm bảo phù hợp quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

5. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai, đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, thủ trưởng các sở - ban - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2607/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;*

*Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh tại Tờ trình số 4841/TTr-STNMT-TTCNTT ngày 18 tháng 6 năm 2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thông tin, dữ liệu GIS nền địa lý, đất đai (dữ liệu ranh thửa đất), ảnh viễn thám (ảnh LiDAR, ảnh vệ tinh SPOT5).

**Điều 2.** Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Công bố Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường lên Trang

thông tin điện tử của thành phố Hồ Chí Minh và Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Địa chỉ truy cập: <http://www.hochiminhcity.gov.vn/>

Địa chỉ truy cập: <http://www.donre.hochiminhcity.gov.vn/>

2. Hướng dẫn thủ tục khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**DANH MỤC THÔNG TIN, DỮ LIỆU GIS NỀN ĐỊA LÝ, ĐẤT ĐAI (DỮ LIỆU RANH THỪA ĐẤT),  
ẢNH VIỄN THÁM (ẢNH LIDAR, ẢNH VỆ TINH SPOT5)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2607/2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2020 của UBND thành phố Hồ Chí Minh)*

<b>I. Thông tin, dữ liệu về đất đai</b>			
<b>Đất đai (Dữ liệu ranh thửa đất)</b>			
<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Đơn vị cung cấp	Sở Tài nguyên và Môi trường TPHCM	
	Tên cơ quan/tổ chức	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và Môi trường	
	Địa chỉ	63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM	
	Số điện thoại	028 38277686	
	Email	<a href="mailto:ttcntt.stnmt@tphcm.gov.vn">ttcntt.stnmt@tphcm.gov.vn</a>	
2	Loại dữ liệu	Đất đai (Dữ liệu ranh thửa đất).	
3	Tóm tắt	<p>Dữ liệu ranh thửa đất được cung cấp tạm thời phục vụ tham chiếu để làm nền phát triển và xây dựng các dữ liệu, ứng dụng khác trong khi chờ Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính mới hơn.</p> <p>Dữ liệu ranh thửa đất chỉ mang tính chất tham khảo, tham chiếu để phục vụ các mục tiêu khác nhau. Dữ liệu ranh thửa đất không có giá trị pháp lý để xử lý các vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước về đất đai.</p>	



4	Nguồn dữ liệu	Dữ liệu ranh thửa đất được lấy từ cơ sở dữ liệu địa chính được lưu trữ dưới dạng ESRI GeoDatabase theo phần mềm VILIS của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	
5	Ngày phát hành (Thời điểm bắt đầu xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai thành phố Hồ Chí Minh)	Dữ liệu ranh thửa đất được xây dựng từ năm 2009 đến năm 2014 trong công tác "Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai thành phố Hồ Chí Minh" theo Quyết định số 5946/QĐ-UBND ngày 29/12/2009.	
6	Bản quyền	Bản quyền thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường TPHCM Ràng buộc: Dữ liệu này được khai thác và sử dụng miễn phí đối với cơ quan, đơn vị Nhà nước. Các ứng dụng thương mại hoặc các dự án, công trình, nhiệm vụ sử dụng dữ liệu này phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.	
7	Ngôn ngữ	Tiếng Việt.	
8	Định dạng dữ liệu	Các dữ liệu dạng KML, GML, GeJson, Shape file,... đã được chuẩn hóa và đáp ứng hệ tọa độ VN2000 Thành phố Hồ Chí Minh và WGS84 toàn cầu được khai thác và sử dụng qua các dịch vụ Web đã tuân thủ các tiêu chuẩn mở do Nhà nước quy định trong đó có 2 chuẩn cơ bản là OGC WFS, OGC WMS và WMTS.	
9	Phạm vi dữ liệu	24 Quận/Huyện và 322 Phường/Xã trên địa bàn TPHCM.	

10	Khả năng cung cấp, sử dụng	Hình thức khai thác và sử dụng: - Kết nối, truy nhập, chia sẻ thông tin, dữ liệu với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. - Truy cập, khai thác và sử dụng dữ liệu qua các dịch vụ Web WMS, WFS, WMTS/TMS đã được xây dựng. - Sử dụng phần mềm mã nguồn mở QGIS, Google Earth, OpenLayer, Leaflet, phần mềm ESRI ArcMap,...	
11	Thủ tục cung cấp, sử dụng	Theo quy định của pháp luật.	

## II. Danh sách thông tin, dữ liệu lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý

### Dữ liệu GIS nền địa lý thành phố Hồ Chí Minh

TT	Tên trường	Mô tả	
1	Đơn vị cung cấp	Sở Tài nguyên và Môi trường TPHCM	
	Tên cơ quan/tổ chức	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và Môi trường	
	Địa chỉ	63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM	
	Số điện thoại	028 38277686	
	Email	<a href="mailto:ttcntt.stnmt@tphcm.gov.vn">ttcntt.stnmt@tphcm.gov.vn</a>	
2	Loại dữ liệu	Dữ liệu GIS nền địa lý.	
3	Tóm tắt	Dữ liệu GIS nền địa lý tỷ lệ 1/2000, 1/5000 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (2005) được sử dụng với mục tiêu làm nền để xây dựng các dữ liệu và ứng dụng khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	

4	Nguồn dữ liệu	<p>Dữ liệu GIS nền địa lý được thu thập và chuẩn hóa có nguồn gốc từ bộ bản đồ nền địa hình tỷ lệ 1/2000, 1/5000 được Cục đo đạc và bản đồ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>Một số lớp dữ liệu được cập nhật mới dựa vào các tư liệu, tài liệu mới (ảnh vệ tinh, bản đồ địa chính,...) và dựa trên sản phẩm bản đồ số tỷ lệ 1/10.000 của Đề án "Xây dựng ATLAS Thành phố Hồ Chí Minh", cụ thể các lớp dữ liệu được cập nhật là: giao thông, đường Metro, UBND các cấp, thủy hệ, địa giới hành chính.</p>	
5	Ngày phát hành (Thời điểm Cục đo đạc bản đồ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)	1/7/2005	
6	Bản quyền	<p>Dữ liệu GIS nền địa lý đã được thu thập, chuẩn hóa có bản quyền thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>Ràng buộc: Dữ liệu này được khai thác và sử dụng miễn phí đối với cơ quan, đơn vị Nhà nước. Các ứng dụng thương mại hoặc các dự án, công trình, nhiệm vụ sử dụng dữ liệu này phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.</p>	
7	Ngôn ngữ	Tiếng Việt	

8	Định dạng dữ liệu	Dữ liệu GIS nền địa lý tỉ lệ 1/2000, 1/5000 được thu thập, quản lý, chuẩn hóa và cung cấp dưới dạng KML, GML, GeJson, Shape file,... thông qua các dịch vụ Web đã tuân thủ các tiêu chuẩn mở do Nhà nước quy định trong đó có 2 chuẩn cơ bản là OGC WFS, OGC WMS và WMTS.	
9	Phạm vi dữ liệu	Thành phố Hồ Chí Minh	
10	Khả năng cung cấp, sử dụng	Hình thức khai thác và sử dụng: - Kết nối, truy nhập, chia sẻ thông tin, dữ liệu với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. - Truy cập, khai thác và sử dụng dữ liệu qua các dịch vụ Web WMS, WFS, WMTS/TMS đã được xây dựng. - Sử dụng phần mềm mã nguồn mở QGIS, Google Earth, OpenLayer, Leaflet, phần mềm ESRI ArcMap,...	
11	Thủ tục cung cấp, sử dụng	Theo quy định của pháp luật.	
<b>III. Thông tin, dữ liệu lĩnh vực viễn thám (Sản phẩm ảnh viễn thám)</b>			
<b>1. Ảnh vệ tinh SPOT5</b>			
<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Mô tả</b>	
1	Đơn vị cung cấp	Sở Tài nguyên và Môi trường TPHCM	
	Tên cơ quan/tổ chức	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và Môi trường	
	Địa chỉ	63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM	

	Số điện thoại	028 38277686	
	Email	<a href="mailto:ttcntt.stnmt@tphcm.gov.vn">ttcntt.stnmt@tphcm.gov.vn</a>	
2	Loại dữ liệu	Ảnh vệ tinh SPOT5.	
3	Tóm tắt	<p>Ảnh vệ tinh SPOT5 được xử lý và nắn chỉnh theo bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000, hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105 độ 45 phút.(Hệ tọa độ UTM VN2000 khu vực Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>Ảnh vệ tinh SPOT 5 được HCMGIS sử dụng để cập nhật một số lớp dữ liệu GIS trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000 khu vực Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2010.</p>	
4	Nguồn dữ liệu	Ảnh vệ tinh SPOT5 bay chụp năm 2010 khu vực Thành phố Hồ Chí Minh độ phân giải khoảng 2.5 mét được Sở Khoa học và Công nghệ đặt hàng Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Viễn thám Miền Nam cung cấp, phục vụ cập nhật một số lớp dữ liệu GIS trên địa bàn Thành phố.	
5	Ngày phát hành (Thời điểm bay chụp)	1/1/2010	
6	Bản quyền	<p>Bộ dữ liệu SPOT5 này được cung cấp bởi Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Viễn thám Miền Nam và được kiểm tra nghiệm thu theo đúng quy định của nhiệm vụ khoa học công nghệ do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức.</p> <p>Ràng buộc: Dữ liệu này được khai thác và sử dụng miễn phí đối với cơ quan, đơn vị Nhà nước. Các ứng dụng thương mại hoặc các dự án, công trình, nhiệm vụ sử dụng dữ liệu này phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định</p>	
7	Ngôn ngữ	Tiếng Việt	

8	Định dạng dữ liệu	Ảnh vệ tinh SPOT5 này được Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thu thập, quản lý và cung cấp dưới dạng hình ảnh (gif, jpeg, png,...) thông qua các dịch vụ Web theo chuẩn OGC WMS, TMS (Tile Map Service), WMTS.	
9	Phạm vi dữ liệu	Thành phố Hồ Chí Minh	
10	Khả năng cung cấp, sử dụng	Hình thức khai thác và sử dụng: - Kết nối, truy nhập, chia sẻ thông tin, dữ liệu với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. - Truy cập, khai thác và sử dụng dữ liệu qua các dịch vụ Web WMS, WFS, WMTS/TMS đã được xây dựng. - Sử dụng phần mềm mã nguồn mở QGIS, Google Earth, OpenLayer, Leaflet, phần mềm ESRI ArcMap,...	
11	Thủ tục cung cấp, sử dụng	Theo quy định của pháp luật.	
<b>2. Ảnh LiDAR</b>			
1	Đơn vị cung cấp	Sở Tài nguyên và Môi trường TPHCM	
	Tên cơ quan/tổ chức	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và Môi trường	
	Địa chỉ	63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM	
	Số điện thoại	028 38277686	
	Email	<a href="mailto:ttcntt.stnmt@tphcm.gov.vn">ttcntt.stnmt@tphcm.gov.vn</a>	
2	Loại dữ liệu	Ảnh LiDAR.	

3	Tóm tắt	Khu bay chụp ảnh số và LiDAR bao gồm 24 Quận/ Huyện của Thành phố Hồ Chí Minh với vị trí địa lý từ 10°10' – 10°38' vĩ độ Bắc và 106°22' – 106°54' kinh độ Đông – tổng diện tích bay quét là khoảng 2.121 km <sup>2</sup> ; Phía Bắc giáp tỉnh Bình Dương, phía Tây Bắc giáp tỉnh Tây Ninh, phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Đồng Nai, phía Đông Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phía Tây và Tây Nam giáp tỉnh Long An và Tiền Giang.
4	Nguồn dữ liệu	Ảnh LiDAR (Light Detection And Ranging) phủ trùm khu vực Thành phố Hồ Chí Minh do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện bay quét năm 2012.
5	Ngày phát hành (Thời điểm bay quét)	20/11/2012
6	Bản quyền	Bản quyền: Sở Khoa học Công nghệ tổ chức thực hiện bay quét năm 2012. Ràng buộc: Dữ liệu này được khai thác và sử dụng miễn phí đối với cơ quan, đơn vị Nhà nước. Các ứng dụng thương mại hoặc các dự án, công trình, nhiệm vụ sử dụng dữ liệu này phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.
7	Ngôn ngữ	Tiếng Việt
8	Định dạng dữ liệu	Ảnh trực giao (True Ortho) và cung cấp dưới dạng dịch vụ Web theo chuẩn OGC WMS, TMS (Tile Map Service), WMTS. Hệ tọa độ ảnh màu trực giao là: WGS84 và Hệ tọa độ phẳng VN2000 múi chiếu địa phương khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. Hệ độ cao Hòn Dấu-Hải Phòng (dựa trên mạng lưới độ cao cũ đã bị lún).
9	Phạm vi dữ liệu	Thành phố Hồ Chí Minh.

10	Khả năng cung cấp, sử dụng	<p>Hình thức khai thác và sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết nối, truy nhập, chia sẻ thông tin, dữ liệu với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.</li> <li>- Truy cập, khai thác và sử dụng dữ liệu qua các dịch vụ Web WMS, WFS, WMTS/TMS đã được xây dựng.</li> <li>- Sử dụng phần mềm mã nguồn mở QGIS, Google Earth, OpenLayer, Leaflet, phần mềm ESRI ArcMap,...</li> </ul>	
11	Thủ tục cung cấp, sử dụng	Theo quy định của pháp luật.	

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2626/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2020*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 4865/STNMT-CTR ngày 19 tháng 6 năm 2020 về trình dự thảo Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **Hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2626/QĐ-UBND  
ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nhằm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 về ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn thành phố đến năm 2030 như sau:

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

a) Tăng cường công tác quản lý và ngăn ngừa việc xả rác thải nhựa từ các nguồn thải trên đất liền và các hoạt động trên biển.

b) Góp phần thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018.

c) Đẩy mạnh hoạt động thu hồi, tái chế, tái sử dụng chất thải nhựa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Nâng cao nhận thức về tác hại của chất thải nhựa đối với môi trường biển, hình thành thói quen giảm sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy trong mọi hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Đến năm 2025: Giảm thiểu 50% rác thải nhựa trên biển; 50% ngư cụ khai thác thủy sản bị mất hoặc bị vứt bỏ được thu gom; 80% các khu, điểm du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch khác ven biển không sử dụng

sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy; bảo đảm tối thiểu một năm hai lần phát động tổ chức chiến dịch thu gom, làm sạch các bãi tắm biển.

b) Đến năm 2030: Giảm thiểu 75% rác thải nhựa trên biển; 100% ngư cụ khai thác thủy sản bị mất hoặc bị vứt bỏ được thu gom, chấm dứt việc thải bỏ ngư cụ trực tiếp xuống biển; 100% các khu, điểm du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch khác ven biển không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, ứng xử với các sản phẩm nhựa và rác thải nhựa đại dương**

#### **a) Nội dung nhiệm vụ, giải pháp**

- Xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông về tác hại của các sản phẩm sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy đối với biển và đại dương, các hệ sinh thái biển, môi trường và sức khỏe con người; các chương trình thu gom, xử lý rác thải nhựa đại dương; cách thức, ý nghĩa của việc phân loại chất thải tại nguồn, thay đổi thói quen sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy.

- Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tốt, các sáng kiến có giá trị, đồng thời triển khai nhân rộng mô hình tốt trong phong trào thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải, rác thải nhựa ở khu vực ven biển, trên biển.

- Nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm, thay đổi thói quen sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy và hành vi xả chất thải, rác thải nhựa ra môi trường đối với cộng đồng cư dân ven biển, ngư dân, thủy thủ, khách du lịch và các tổ chức, doanh nghiệp; nâng cao năng lực, kinh nghiệm quản lý chất thải, rác thải nhựa cho đội ngũ cán bộ quản lý ở khu vực có biển.

- Tuyên truyền, kêu gọi các tổ chức, cá nhân tăng cường tái chế, tái sử dụng rác thải nhựa, thúc đẩy xây dựng nền kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh.

#### **b) Trách nhiệm thực hiện**

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc xây dựng các nội dung tuyên truyền, truyền thông về tác hại của rác thải nhựa đối với biển và đại dương, các hệ sinh thái biển, môi trường và sức khỏe

con người; cách thức, ý nghĩa của việc phân loại chất thải tại nguồn, thay đổi thói quen sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy.

- Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp cùng Ban Tuyên giáo Thành ủy chỉ đạo các cơ quan báo chí thành phố tăng cường thời lượng, thông tin chính xác, đầy đủ về các hoạt động, chương trình, tài liệu được xây dựng từng năm, từng giai đoạn; đẩy mạnh các tuyến tin, bài, các chuyên mục tuyên truyền các hoạt động bảo vệ môi trường, lối sống thân thiện với môi trường, các tổ chức, cá nhân điển hình, tiên tiến trong công tác giảm thiểu rác thải nhựa đại dương; chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tuyên truyền các nội dung qua hệ thống thông tin cơ sở bằng nhiều hình thức phù hợp, hiệu quả.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và lồng ghép nội dung về bảo vệ môi trường biển, ngăn ngừa, giảm thiểu rác thải nhựa đổ ra biển và đại dương trong các chương trình giáo dục, đào tạo ở các cấp học với các hình thức và nội dung phù hợp.

- Sở Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tuyên truyền, thông tin đến các du khách và các tổ chức, cá nhân có hoạt động du lịch ven hoặc trên sông, trên biển thuộc phạm vi địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh về tác hại của rác thải nhựa, túi ni lông khó phân hủy đối với biển và đại dương, các hệ sinh thái biển, môi trường và sức khỏe con người; không đổ, vứt chất thải, rác thải nhựa xuống biển, sông.

- Sở Công Thương vận động, yêu cầu các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện việc cung cấp, sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường để chứa, đựng các sản phẩm, hàng hóa cho khách hàng.

- Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tuyên truyền nâng cao ý thức của cộng đồng, không xả rác thải, rác thải nhựa trong quá trình tham gia chương trình sự kiện, lễ hội được tổ chức ven, trên sông, kênh, rạch.

- Ủy ban nhân dân quận - huyện: tổ chức tuyên truyền, thông tin đến cộng đồng và xã hội ở địa phương về: tác hại của rác thải nhựa, túi ni lông khó phân hủy đối với biển và đại dương, các hệ sinh thái biển, môi trường và sức khỏe con người; cách thức, ý nghĩa của việc phân loại chất thải tại nguồn; nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm, thay đổi thói quen của cộng đồng và xã hội về sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy và hành vi xả chất thải, rác thải nhựa ra môi trường.

- Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ:

+ Tổ chức tuyên truyền, vận động cư dân ven biển và ngư dân, thủy thủ, khách du lịch và các tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động ven hoặc trên biển: không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy; không vứt bỏ ngư cụ khai thác thủy sản ở ven và trên biển; hạn chế việc làm mất ngư cụ trong quá trình khai thác thủy sản. Việc tổ chức này có thể lồng ghép vào các chương trình, sự kiện về bảo vệ môi trường, biển và hải đảo diễn ra trên địa bàn huyện Cần Giờ (*như: Ngày Môi trường Thế Giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo, ...*).

+ Tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ gia đình, chủ nguồn thải đang sinh sống, hoạt động ven hoặc trên các tuyến sông (*nếu có*) có dòng chảy đổ trực tiếp ra biển Đông như sông: Soài Rạp, Cái Mép, Lòng Tàu, Đồng Tranh, ... không đổ, vứt chất thải, rác thải nhựa xuống các tuyến sông này.

+ Nâng cao năng lực, kinh nghiệm quản lý chất thải, rác thải nhựa cho đội ngũ cán bộ quản lý ở khu vực có biển.

+ Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tốt, các sáng kiến có giá trị trong công tác thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải, rác thải nhựa ở khu vực ven biển, trên biển.

- Ủy ban nhân dân các quận – huyện: 1, 2, 4, 7, 8, 9, 12, Bình Thạnh, Thủ Đức, Nhà Bè, Hóc Môn, Bình Chánh, Củ Chi, Cần Giờ, ... tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ gia đình, chủ nguồn thải đang sinh sống, hoạt động ven hoặc trên các tuyến sông, kênh, rạch thuộc phạm vi địa bàn của quận - huyện (*theo Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về phân cấp cho các Sở và Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*) có dòng chảy đổ trực tiếp hoặc gián tiếp vào các tuyến sông lớn như sông Soài Rạp, sông Cái Mép, sông Lòng Tàu, sông Đồng Tranh, ... không đổ, vứt chất thải, rác thải nhựa xuống các tuyến sông, kênh, rạch này.

c) Thời gian thực hiện: từ năm 2020 đến năm 2030.

## **2. Thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải, rác thải nhựa từ các hoạt động ở khu vực ven biển và trên biển**

a) Nội dung nhiệm vụ, giải pháp

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các phong trào, chiến dịch thu gom, làm sạch bãi biển tối thiểu 02 lần/năm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; việc tổ chức này có thể lồng ghép vào các chương trình, sự kiện về bảo vệ môi trường, biển

và hải đảo diễn ra trên địa bàn huyện Cần Giờ (*như: Ngày Môi trường Thế Giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo, ...*).

- Bố trí các thiết bị lưu chứa và các điểm tập kết chất thải, rác thải nhựa phù hợp, an toàn, thuận lợi, bảo đảm mỹ quan và vệ sinh môi trường.

- Huy động sự tham gia của người dân trong thu gom, phân loại rác thải nhựa đại dương và phối hợp xây dựng cơ sở thông tin, dữ liệu về rác thải nhựa đại dương thống nhất, phù hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải.

- Tạo điều kiện, khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng chất thải nhựa ở các lưu vực sông, khu vực các hệ sinh thái ven biển, rừng ngập mặn, các bãi tắm, vùng nước ven biển.

b) Trách nhiệm thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ

- Cơ quan phối hợp: Các Sở ngành và cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: từ năm 2020 đến năm 2030.

### **3. Kiểm soát rác thải nhựa từ nguồn**

a) Nội dung nhiệm vụ, giải pháp

- Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải nhựa phát sinh từ đất liền và từ các hoạt động trên biển; thực hiện tốt mô hình phân loại chất thải, rác thải nhựa tại nguồn; xây dựng, hoàn thiện hệ thống thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý rác thải nhựa tại các khu công nghiệp, đô thị, khu du lịch, khu dân cư tập trung ven biển, ven sông, cảng biển theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tăng cường kiểm soát, quản lý việc xả thải vào nguồn nước và có biện pháp xử lý vi nhựa từ nước thải khu đô thị và khu công nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về thu gom và xử lý chất thải nhựa phát sinh từ các hoạt động kinh tế thuận biển, bao gồm: du lịch và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải và các tài nguyên khoáng sản biển, nuôi trồng và khai thác thủy sản,...

- Ngăn ngừa, giảm thiểu việc thải bỏ, làm thất lạc ngư cụ khai thác thủy sản đi đôi với thực hiện nghiêm các chế tài, công cụ xử phạt vi phạm; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý thường xuyên và đột xuất các trường hợp vi phạm về xả thải trên biển.

b) Trách nhiệm và thời gian thực hiện

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải nhựa phát sinh từ đất liền và từ các hoạt động trên biển làm cơ sở để đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cụ thể đã đề ra.

- Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về thu gom, xử lý chất thải nhựa phát sinh từ các hoạt động kinh tế thuần biển theo chức năng và nhiệm vụ, bao gồm các hoạt động: du lịch và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải và các tài nguyên khoáng sản biển, nuôi trồng và khai thác thủy sản,...

- Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân quận - huyện chủ trì, phối hợp tổ chức dọn dẹp vệ sinh, vớt rác thải, rác thải nhựa trôi nổi hoặc tồn đọng lâu ngày trên các tuyến sông, kênh, rạch theo phân cấp quản lý được quy định tại Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì nghiên cứu công nghệ xử lý vi nhựa từ nước thải khu đô thị và khu công nghiệp; chuyển giao công nghệ và hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm soát chặt chẽ rác thải nhựa phát sinh từ cộng đồng ngư dân ven biển.

- Sở Công Thương nghiên cứu việc khuyến khích tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất sản phẩm nhựa dùng một lần triển khai việc thu hồi sản phẩm nhựa sau sử dụng để tái chế hoặc xử lý theo quy định.

- Sở Du lịch và Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ phối hợp thực hiện quản lý, giảm thiểu, tiến tới không sử dụng sản phẩm nhựa một lần, túi ni lông khó phân hủy tại khu du lịch ven biển và trong khu bảo tồn thiên nhiên.

- Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp và Ban Quản lý Khu Công nghệ cao hướng dẫn, đề nghị các chủ nguồn thải thực hiện phân loại rác thải nhựa tại nguồn chuyển giao cho đơn vị có chức năng để tổ chức thu gom, vận chuyển rác thải, xử lý rác thải theo quy định; tăng cường tái chế, tái sử dụng rác thải nhựa; tăng cường kiểm soát, quản lý việc xả thải vào nguồn nước của các chủ nguồn thải.

- Ủy ban nhân dân quận - huyện chủ trì tổ chức triển khai phân loại, thu gom, vận chuyển rác thải nhựa phát sinh từ các hộ gia đình, chủ nguồn thải trên địa bàn (trên đất liền và trên biển) gắn với thực hiện Chương trình phân loại chất thải rắn

sinh hoạt tại nguồn theo quy định; tăng cường tái chế, tái sử dụng rác thải nhựa; tăng cường kiểm soát, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về bỏ rác thải nhựa không đúng quy định.

- Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ chủ trì nghiên cứu và có giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu cũng như có biện pháp xử lý đối với các hành vi thải bỏ, làm thất lạc ngư cụ khai thác thủy sản ở trên biển không đúng quy định.

c) Thời gian thực hiện: từ năm 2020 đến năm 2030.

#### **4. Hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển, chuyển giao công nghệ về xử lý rác thải nhựa đại dương**

a) Nội dung nhiệm vụ, giải pháp

- Tham gia có trách nhiệm cùng cộng đồng quốc tế giải quyết vấn đề chất thải nhựa đại dương; đẩy mạnh nghiên cứu, trao đổi chuyên sâu, chia sẻ thông tin, dữ liệu với các quốc gia và vùng lãnh thổ trong khu vực, trên thế giới về rác thải nhựa đại dương.

- Duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế về biển; chủ động ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế; phối hợp trong việc kiểm soát, quản lý rác thải nhựa đại dương.

- Huy động nguồn lực quốc tế trong hỗ trợ kỹ thuật, đầu tư kiểm soát rác thải nhựa đại dương; tiếp nhận các mô hình quản lý, công nghệ sản xuất các sản phẩm thay thế, tái chế chất thải nhựa và chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh.

- Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật trong xử lý và giảm thiểu rác thải nhựa đại dương; khuyến khích nghiên cứu, phát triển hệ thống thu gom và xử lý rác thải nhựa đại dương trên cơ sở có điều chỉnh, thích ứng với điều kiện thực tiễn của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xây dựng và thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu xây dựng luận cứ khoa học, cơ sở thực tiễn về rác thải nhựa đại dương; đánh giá các nguy cơ, rủi ro ô nhiễm và các tác động của rác thải nhựa, đặc biệt là vi nhựa đối với biển và đại dương, các hệ sinh thái biển, môi trường và sức khỏe con người.

- Xây dựng hệ thống giám sát rác thải nhựa đại dương dựa trên công nghệ viễn thám, giải đoán hình ảnh và hệ thống thông tin địa lý kết hợp với trí tuệ nhân tạo và tri thức bản địa.

b) Trách nhiệm và thời gian thực hiện



- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng, vận hành mạng lưới quan trắc chất lượng nước biển ven bờ, định kỳ đánh giá hiện trạng rác thải nhựa đại dương tại khu vực ven biển; phối hợp Sở Ngoại vụ trong việc thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế, triển khai các sáng kiến của Thành phố Hồ Chí Minh với cộng đồng quốc tế về quản lý rác thải nhựa đại dương.

- Sở Ngoại vụ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế, triển khai các sáng kiến của thành phố với cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó có quản lý rác thải nhựa đại dương; rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tham gia, thực hiện các thỏa thuận hợp tác quốc tế cấp địa phương các điều ước quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó có quản lý rác thải nhựa đại dương.

- Sở Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý và giảm thiểu rác thải nhựa đại dương và trong công tác xử lý vi nhựa trong nước thải.

c) Thời gian thực hiện: Từ năm 2020 đến năm 2025.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận - huyện được giao là cơ quan chủ trì tại Mục II Kế hoạch này chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả; gửi kế hoạch của cơ quan, đơn vị đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp. Định kỳ vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Các Sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan huy động nguồn lực từ cộng đồng doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý để vận động, khuyến khích doanh nghiệp tích cực hưởng ứng phong trào giảm thiểu rác thải nhựa đại dương.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân Thành phố theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công nêu trên của các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận - huyện và cơ quan, đơn vị có liên quan bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ.

4. Sở Tài chính bố trí kinh phí cho các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 theo quy định hiện hành.

Cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch chủ động sắp xếp, bố trí kinh phí trong nguồn ngân sách được phê duyệt và huy động các nguồn kinh phí hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật để tổ chức thực hiện Kế hoạch.

5. Sở Ngoại vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan vận động sự hỗ trợ của quốc tế đối với công tác ứng phó với biến đổi khí hậu của thành phố; tham mưu thành phố tham gia và thực hiện có hiệu quả các thỏa thuận hợp tác quốc tế cấp địa phương về ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó có quản lý rác thải nhựa đại dương.

6. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức diễn đàn, hội thảo khoa học nhằm trao đổi, học tập kinh nghiệm của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, chuyên gia trong và ngoài nước trong công tác quản lý môi trường biển, trọng tâm là rác thải đại dương.

7. Ủy ban nhân dân quận - huyện: tổ chức kiểm soát và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến quản lý rác thải nhựa đại dương; phối hợp các đơn vị có liên quan lập dự toán khối lượng thực hiện hàng năm đối với nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp chủ động xây dựng chương trình, nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch, có thể lồng ghép với các chương trình, sự kiện khác về bảo vệ môi trường, biển và hải đảo; thông tin về kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để tổng hợp.

Liên đoàn Lao động thành phố, Thành Đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố tiếp tục phát huy vai trò xung kích, chủ động sáng tạo, tích cực triển khai các phong trào, hoạt động sâu rộng, tiến đến nói không với rác thải nhựa, cùng gia đình, cộng đồng và toàn xã hội thực hiện hiệu quả các chủ trương, cơ chế, chính sách giảm thiểu rác thải nhựa đại dương./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2657/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020**  
**của quận Bình Tân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Văn bản số 21/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về hợp nhất Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính Phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân

dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích đất lúa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4604/TTr-*STNMT-QLĐ* ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Công văn số 5145/*STNMT-QLĐ* ngày 26 tháng 6 năm 2020; Công văn số 2133/*UBND* ngày 25 tháng 6 năm 2020 và Công văn số 2309/*UBND* ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của quận Bình Tân với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường An Lạc	Phường An Lạc A	Phường Bình Hưng Hòa	Phường Bình Hưng Hòa A	Phường Bình Hưng Hòa B	Phường Bình Trị Đông	Phường Bình Trị Đông A	Phường Bình Trị Đông B	Phường Tân Tạo	Phường Tân Tạo A
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>5.202,09</b>	<b>489,31</b>	<b>116,12</b>	<b>454,77</b>	<b>465,90</b>	<b>732,02</b>	<b>295,70</b>	<b>466,29</b>	<b>441,78</b>	<b>508,00</b>	<b>1.232,21</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>459,07</b>	<b>48,10</b>	<b>0,13</b>	<b>8,59</b>	<b>0,47</b>	<b>99,50</b>	<b>11,79</b>	<b>64,63</b>	<b>50,04</b>	<b>56,88</b>	<b>118,95</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	282,39	1,80				64,25		24,40	46,24	43,85	101,84
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>											
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	112,71	20,19		7,09	0,47	31,23	8,86	34,33	3,26	3,84	3,44
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	25,76	5,35	0,13	0,97		2,32	2,08	0,67	0,54	0,03	13,67
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH											
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD											
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	38,22	20,75		0,54		1,70	0,85	5,22		9,16	
1.8	Đất làm muối	LMU											
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH											
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.743,02</b>	<b>441,21</b>	<b>115,99</b>	<b>446,18</b>	<b>465,43</b>	<b>632,53</b>	<b>283,91</b>	<b>401,66</b>	<b>391,74</b>	<b>451,13</b>	<b>1.113,26</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	12,05	0,49	0,24	0,73	7,86					2,72	
2.2	Đất an ninh	CAN	3,96	1,20	0,01	0,17		0,25	0,20			0,76	1,36
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	385,50					89,25					296,25

CÔNG BÁO/Số 176+177/Ngày 01-9-2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường An Lạc	Phường An Lạc A	Phường Bình Hưng Hòa	Phường Bình Hưng Hòa A	Phường Bình Hưng Hòa B	Phường Bình Trị Đông	Phường Bình Trị Đông A	Phường Bình Trị Đông B	Phường Tân Tạo	Phường Tân Tạo A
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.4	Đất khu chế xuất	SKT											
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN											
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	81,97	0,15	2,64	10,44	0,13	3,58	7,22		14,10	1,02	42,70
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	406,76	66,20	14,90	38,40	14,19	25,79	21,66	61,82	45,46	64,18	54,17
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS											
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.172,19	116,81	36,95	107,40	83,65	143,09	58,28	68,70	164,53	114,22	278,56
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT											
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL											
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	55,85	0,48		22,48	31,30					0,60	0,99
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT											
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	2.381,63	240,18	55,82	254,21	284,14	366,63	191,58	266,80	157,40	237,33	327,54
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	5,10	2,06	0,14	0,35	0,61	0,32	0,12	0,43	0,18	0,57	0,31
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	6,00	5,04	0,72				0,07				0,17
2.17	Đất xây dựng cơ sở	DNG											

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường An Lạc	Phường An Lạc A	Phường Bình Hưng Hòa	Phường Bình Hưng Hòa A	Phường Bình Hưng Hòa B	Phường Bình Trị Đông	Phường Bình Trị Đông A	Phường Bình Trị Đông B	Phường Tân Tạo	Phường Tân Tạo A
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	ngoại giao												
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	13,75	0,65	3,21	1,14	1,96	0,22	0,77		1,55	1,73	2,52
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	39,25	1,59	0,23	2,71	17,36	2,80	2,95	2,97		7,57	1,09
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX											
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,53	0,51	0,06	0,03	0,28	0,10	0,21	0,88	0,15	0,11	0,19
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	135,18	0,83	0,82	7,99	21,74		0,14		8,14	1,27	94,25
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	2,74		0,25	0,12	0,55	0,49	0,26	0,07	0,23	0,76	0,01
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	19,94				1,65					18,29	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	17,04	3,90									13,14
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,58	1,13					0,45				
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>											
<b>4</b>	<b>Đất khu công nghệ cao*</b>	<b>KCN</b>											
<b>5</b>	<b>Đất khu kinh tế*</b>	<b>KKT</b>											
<b>6</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>	<b>5.202,09</b>	<b>489,31</b>	<b>116,12</b>	<b>454,77</b>	<b>465,90</b>	<b>732,02</b>	<b>295,70</b>	<b>466,29</b>	<b>441,78</b>	<b>508,00</b>	<b>1.232,21</b>

Ghi chú: \* Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.





STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường An Lạc	Phường An Lạc A	Phường Bình Hưng Hòa	Phường Bình Hưng Hòa A	Phường Bình Hưng Hòa B	Phường Bình Trị Đông	Phường Bình Trị Đông A	Phường Bình Trị Đông B	Phường Tân Tạo	Phường Tân Tạo A
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,02										0,02
2.4	Đất khu chế xuất	SKT											
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN											
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,82		0,02	0,08			0,13		0,59		
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	9,83	0,93	0,67	0,03	0,65		0,59	2,06	0,11	0,33	4,46
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS											
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2,54	0,15		0,05			0,01	1,20	1,07	0,03	0,03
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT											
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL											
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,04				0,04						
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT											
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	72,98	10,35	0,14	1,94	5,65	0,99	5,85	2,58	2,18	4,16	39,14
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,05				0,01						0,04

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường An Lạc	Phường An Lạc A	Phường Bình Hưng Hòa	Phường Bình Hưng Hòa A	Phường Bình Hưng Hòa B	Phường Bình Trị Đông	Phường Bình Trị Đông A	Phường Bình Trị Đông B	Phường Tân Tạo	Phường Tân Tạo A
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,04										0,04
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG											
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,05			0,04			0,01				
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	14,60			0,22	13,85		0,06	0,05			0,42
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX											
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,08	0,05		0,01			0,01			0,01	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV											
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN											
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON											
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC											
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,02	0,02									

Ghi chú: LUA\*:Diện tích đất trồng lúa pháp lý thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân theo bản đồ địa chính cũ (TL-02). Do trong quá trình sử dụng đất giai đoạn những năm 1999-2004, có thay đổi diện tích đất trồng lúa sang các loại đất khác như: đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm, đất ở,... mà không đăng ký biến động đất đai ở các cơ quan có thẩm quyền, nhưng về mặt pháp lý trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân vẫn còn ghi nhận là đất trồng lúa và sẽ không tính vào tổng diện tích tự nhiên của quận.

3. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất 2020:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường An Lạc	Phường An Lạc A	Phường Bình Hưng Hòa	Phường Bình Hưng Hòa A	Phường Bình Hưng Hòa B	Phường Bình Trị Đông	Phường Bình Trị Đông A	Phường Bình Trị Đông B	Phường Tân Tạo	Phường Tân Tạo A
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>456,86</b>	<b>9,25</b>	<b>0,31</b>	<b>7,27</b>	<b>6,62</b>	<b>21,55</b>	<b>4,78</b>	<b>22,38</b>	<b>4,02</b>	<b>60,13</b>	<b>320,55</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	338,93	2,00				15,41		11,47	3,42	31,81	274,82
	<i>Đất trồng lúa (*)</i>	<i>LUA*/PNN</i>	<i>28,85</i>	<i>4,79</i>		<i>5,05</i>	<i>12,29</i>	<i>0,58</i>	<i>2,98</i>	<i>1,68</i>	<i>1,08</i>	<i>0,35</i>	<i>0,05</i>
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>											
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	64,48	4,86	0,04	5,57	5,41	5,51	3,11	9,47	0,09	20,83	9,59
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	40,77	0,93	0,11	1,00	0,36	0,30	0,62	0,85	0,51	0,10	35,99
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN											
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN											
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	12,68	1,46	0,16	0,70	0,85	0,33	1,05	0,59		7,39	0,15
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN											
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN											
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông</b>												



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường An Lạc	Phường An Lạc A	Phường Bình Hưng Hòa	Phường Bình Hưng Hòa A	Phường Bình Hưng Hòa B	Phường Bình Trị Đông	Phường Bình Trị Đông A	Phường Bình Trị Đông B	Phường Tân Tạo	Phường Tân Tạo A
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	nghiệp không phải là rừng												
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR <sup>(a)</sup>											
3	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>PKO/OCT</b>	<b>42,28</b>	<b>5,67</b>	<b>1,27</b>	<b>1,91</b>	<b>5,19</b>	<b>1,86</b>	<b>5,61</b>	<b>3,83</b>	<b>2,00</b>	<b>4,91</b>	<b>10,03</b>

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

- LUA\*: Diện tích đất trồng lúa pháp lý thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân theo bản đồ địa chính cũ (TL-02). Do trong quá trình sử dụng đất giai đoạn những năm 1999-2004, có thay đổi diện tích đất trồng lúa sang các loại đất khác như: đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm, đất ở,... mà không đăng ký biến động đất đai ở các cơ quan có thẩm quyền, nhưng về mặt pháp lý trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân vẫn còn ghi nhận là đất trồng lúa và sẽ không tính vào tổng diện tích tự nhiên của quận.

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng 2020:

Trên địa bàn quận Bình Tân không có diện tích đất chưa sử dụng.

5. Dự án hủy bỏ thực hiện, không chuyển tiếp sang Kế hoạch sử dụng đất năm 2020, rà soát theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về công tác quản lý quy hoạch đô thị và giải quyết các dự án chậm triển khai trên địa bàn thành phố gồm 13 dự án:

- 02 dự án đăng ký mới trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2015: Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng đường Miếu Bình Đông, Khu dân cư Thịnh Phát tại số 144A đường Hồ Học Lãm, phường An Lạc, quận Bình Tân.

- 07 dự án đăng ký mới trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2016: Khu đất thanh toán cho hợp đồng BT dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa (Quốc lộ 1) tại số 368 Kinh Dương Vương, Khu đất thanh toán cho hợp đồng BT dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa (Quốc lộ 1) tại số 582 Kinh Dương Vương, Nâng cấp đường liên khu 8 – 9, Nâng cấp đường Gò Xoài, Nâng cấp đường số 16, Nâng cấp đường Lô Tư, Nâng cấp đường liên khu 5 – 6.

- 02 dự án đăng ký mới trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2017: Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Cải tạo giao lộ đường Nguyễn Thúc Tựu và đường số 17B phường An Lạc A, Khu chung cư thuộc dự án Khu dân cư phụ trợ Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng (Tanimex).

- 02 dự án đăng ký mới trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2018: Nâng cấp, mở rộng đường Cây Cám, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân và Khu dân cư Hoàng Nam, phường An Lạc, quận Bình Tân.

- 01 dự án đăng ký mới trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2019: Trường Tiểu học An Lạc.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận Bình Tân có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp phường.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định Điều 52 Luật đất đai và khoản 8, Điều 100a của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

4. Ủy ban nhân dân quận Bình Tân chịu trách nhiệm về tính pháp lý, ranh, diện tích chuyển mục đích sử dụng của hộ gia đình, cá nhân, đảm bảo phù hợp quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

5. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai, đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở - Ban- Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Tân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng